

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang tại Tờ
trình số 24/TTr-BQLKKT ngày 09 tháng 7 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các
quyết định:

- Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chủ
tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc
thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang;

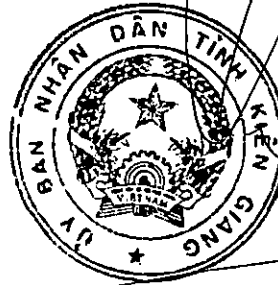
- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Chủ
trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chín

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG				
1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Bộ luật lao động năm 2019; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. - Giấy ủy quyền số 378/UQ-SLĐTBXH ngày 06/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.
II	LĨNH VỰC: AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG				
1	Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Bộ luật lao động năm 2019; - Nghị định số 145/2020/NĐ-CP; - Giấy ủy quyền số 378/UQ-SLĐTBXH.
III	LĨNH VỰC: VIỆC LÀM				
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của doanh nghiệp trong khu công nghiệp,	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	khu kinh tế				lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Giấy ủy quyền số 1805/UQ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.
2	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	600.000 đồng	- Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Giấy ủy quyền số 378/UQ-SLĐTBXH ngày 06/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.
3	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	450.000 đồng	
4	Gia hạn Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	
5	Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	
IV LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI					
1	Đăng ký thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn dưới 90 ngày		hành chính công		nước ngoài theo hợp đồng; - Nghị định số 126/2007/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH; - Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN; - Giấy ủy quyền số 378/UQ-SLĐTBXH ngày 06/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước về lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.
V	LĨNH VỰC: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ				
1	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế	- 07 ngày làm việc; - 15 ngày làm việc (nếu thuộc trường hợp lấy ý kiến)	Trung tâm phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT; - Thông tư số 143/2016/TT-BTC.
2	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế (Đối với trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện)	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng	
3	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế (Đối với trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức)				
4	Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng	
5	Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng	
6	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trong khu công nghiệp, khu kinh tế	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	
VI	LĨNH VỰC: QUY HOẠCH - XÂY DỰNG				
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	- Dự án nhóm A: 35 ngày - Dự án nhóm B: 25 ngày - Dự án nhóm C: 15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí = (Tổng mức đầu tư * Mức thu) <i>(Mức thu theo phụ lục Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)</i>	- Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BXD ngày 15/7/2020 của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC;
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau	- Công trình cấp ĐB, I: 40 ngày - Công trình cấp II,	Trung tâm phục vụ hành chính	Phí = (Chi phí xây dựng *	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thiết kế cơ sở.	III: 30 ngày - Công trình cấp còn lại: 30 ngày làm việc	công	Mức thu) (Mức thu theo phụ lục Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016	
3	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	150.000 đồng	- Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BXD ngày 15/7/2020 của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang; - Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết 140/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Kiên Giang.
4	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	150.000 đồng	
5	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính	150.000 đồng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		công		
6	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	150.000 đồng	
7	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	15.000 đồng	
8	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	15.000 đồng	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)				
9	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành).	20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; - Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BXD ngày 15/7/2020 của Bộ Xây dựng; - Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BXD ngày 30/9/2019 của Bộ Xây dựng
VII	LĨNH VỰC: ĐẤT ĐAI				
1	Cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin thuê đất là tổ chức kinh tế, người Việt	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 35/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.				- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 89/2017/TT-BTC.
2	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Không quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.
3	Xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp, khu kinh tế cho tổ chức có liên quan (trong khu công nghiệp, khu kinh tế).	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 35/2017/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT.
VIII LĨNH VỰC: MÔI TRƯỜNG					
1	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư (trong khu công nghiệp, khu kinh tế).	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC: ĐẦU TƯ	
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư	

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
	thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
17	Giãn tiến độ đầu tư	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	



TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
25	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	
26	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	
27	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
28	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
II	LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG	
1	Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Quyết định số 636/QĐ-LĐTBXH ngày 05/5/2019 về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu công nghiệp, khu kinh tế	
3	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao	



TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
	động trong khu công nghiệp, khu kinh tế	
4	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
5	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.	
III	LĨNH VỰC: VIỆC LÀM	
1	Đề nghị tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.
2	Thu hồi Giấy phép lao động cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Quyết định số 632/QĐ-LĐTBXH ngày 04/5/2019 về việc công bố được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
IV	LĨNH VỰC: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	
1	Cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu kinh tế	Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
2	Cấp Giấy phép kinh doanh bổ sung mục tiêu hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu kinh tế	
3	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu kinh tế	

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
4	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu kinh tế	
IV	LĨNH VỰC: QUY HOẠCH XÂY DỰNG	
1	Thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật/ báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).	- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC: QUY HOẠCH XÂY DỰNG	
1	Thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh.	- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
2	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	

